TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/DS-ST.
Ngày: 22 - 11 - 2024.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản và HĐ chuyển nhượng QSDĐ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Ông Lê Văn Thới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2024/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Mai Thị B, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 32, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 08/11/2023), anh K có mặt.

- ***Bị đơn***: Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1969 và bà Trần Ngọc M, sinh năm 1972; cùng nơi cư trú: Số nhà 03, đường T, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Huỳnh Đ (Giấy ủy quyền ngày 11/10/2024), ông Đ có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Anh Cù Quốc Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 32, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Anh Cù Phú Q, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số nhà 32, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

3. Anh Đặng Văn Quốc E, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 452, ấp A, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- ***Người làm chứng:*** Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà 26, đường T, Khóm B, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2024 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên vào ngày 18/3/2022 bà M có ủy quyền cho ông Đ vay số tiền của bà B là 3.000.000.000 đồng, việc vay tiền có lập thành văn bản, văn bản này có ông Đ và anh Đ ký tên, việc anh Đ đứng tên thỏa thuận vay là do bà B không rành nên để anh Đ đứng tên thay bà B làm thỏa thuận vay với ông Đ, anh Đ là con ruột của bà B, thời hạn vay là 3 tháng từ ngày 18/3/2022 đến ngày 18/6/2022, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, lãi suất thỏa thuận không lập thành văn bản, không có người làm chứng, bà B đã giao đủ tiền mặt số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông Đ và bà M tại Văn phòng công chứng D. Để đảm bảo cho việc vay tiền ông Đ và bà M có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn chưa thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Sau đó ngày 30/10/2022 ông Đ có viết biên nhận tay xác nhận có vay của bà B số tiền 3.000.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng và bà M có lập hợp đồng ủy quyền với bà B ngày 31/10/2022, nội dung ủy quyền là bà B được toàn quyền định đoạt thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền thì ngày 05/5/2023 bà B đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Q đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi nhận đủ tiền thì ông Đ, bà M đã trả được 2 lần tiền lãi vào ngày 18/3/2022 và ngày 30/5/2022 với tổng số tiền là 180.000.000 đồng, tiền vốn thì không có trả.

Nay bà B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết:

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 31/10/2022 giữa bà Trần Ngọc M với bà Mai Thị B, số công chứng 13646 tại Văn phòng công chứng T.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Ngọc M (do bà Mai Thị B đại diện) ký với anh Cù Phú Q ngày 05/5/2023, số công chứng 05137 tại Văn phòng công chứng T.

Buộc ông Huỳnh Đ và bà Trần Ngọc M trả số tiền 3.000.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 18/6/2022 đến ngày 18/11/2024 là 722.100.000 đồng. Tổng cộng 3.722.100.000 đồng.

Bà Mai Thị B đồng ý trả lại cho ông Huỳnh Đ và bà Trần Ngọc M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 995773, thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Đ trình bày: Ông có vay tiền của anh Đặng Văn Quốc E, số tiền là 3.000.000.000 đồng, việc vay tiền có lập thành văn bản dưới hình thức biên nhận viết tay, hai bên có ký tên vào biên nhận, việc vay tiền không có thỏa thuận lãi suất bằng văn bản, nhưng sau khi nhận số tiền 3.000.000.000 đồng thì ông có trả tiền lãi 120.000.000 đồng tương đương lãi suất là 4%/tháng, việc trả tiền lãi có bà Nguyễn Thị Thanh V, anh Đặng Văn Quốc E chứng kiến, việc trả số tiền 120.000.000 đồng không có lập thành văn bản. Sau đó ông có trả tiếp 90.000.000 đồng tiền lãi, ông trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản từ tài khoản của bà Huỳnh Thị Cẩm V đến tài khoản anh Đặng Văn Quốc E. Khi nhận số tiền 3.000.000.000 đồng từ anh Đặng Văn Quốc E thì ông không biết nguồn gốc tiền là của bà Mai Thị B, đến ngày 18/3/2022 khi lập văn bản thỏa thuận vay tiền với anh Đ thì ông mới biết nguồn gốc số tiền này là của bà Mai Thị B. Khi vay tiền thì ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Đ đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, tiếp đó thì bà M và bà B có ký hợp đồng ủy quyền ngày 31/10/2022.

Hiện tại thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Ngọc M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP995773 và trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất này.

Sau khi vay tiền thì ông đã nhận đủ số tiền 3.000.000.000 đồng từ Đặng Văn Quốc E, số tiền này là của bà Mai Thị B. Ông đã trả được 210.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 120.000.000 đồng là ông trả tiền mặt cho anh Đặng Văn Quốc E và 90.000.000 đồng ông chuyển khoản từ tài khoản của bà Huỳnh Thị Cẩm V đến tài khoản của anh Đặng Văn Quốc E, tiền vốn vay 3.000.000.000 đồng thì ông chưa trả.

Ông vay tiền là để kinh doanh, bà Trần Ngọc M không có sử dụng nguồn tiền này. Bà Huỳnh Thị Cẩm V chỉ chuyển tiền thanh toán tiền lãi giúp ông, số tiền bà Huỳnh Thị Cẩm V chuyển là do ông mượn của bà V, ông đã trả xong khoản tiền này cho bà Huỳnh Thị Cẩm V nếu bà Huỳnh Thị Cẩm V có tranh chấp thì sẽ khởi kiện ông trong vụ án khác, trong vụ án này bà Huỳnh Thị Cẩm V không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ gì hết do đó ông đề nghị Tòa án không đưa bà Huỳnh Thị Cẩm V vào tham gia tố tụng. Bà Nguyễn Thị Thanh V chỉ là người giới thiệu ông vay tiền của anh Quốc E, sau này thì là của bà B.

Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà Mai Thị B số tiền 3.000.000.000 đồng; ông đồng ý trả tiền lãi cho bà Mai Thị B 722.100.000 đồng theo yêu cầu

Anh Đ trình bày: Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B, anh là người trực tiếp đưa số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông Đ và bà M tại Văn phòng công chứng D, số tiền 3.000.000.000 đồng là của bà B, anh chỉ đại diện bà B giao số tiền này cho ông Đ và bà M, thời điểm anh giao tiền cho ông Đ, bà M có anh Quốc E và bà Thanh V chứng kiến, anh giao tiền cho ông Đ và bà M số tiền 3.000.000.000 đồng gồm mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng; bà M, bà V, ông Đ là người trực tiếp nhận số tiền này; anh không biết bà Thanh V có được hưởng lợi ích gì từ việc giới thiệu ông Đ, bà M vay tiền của bà B không. Anh khẳng định anh là người trực tiếp giao số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông Đ, bà M; anh giao số tiền 3.000.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng D; sau khi nhận tiền thì ông Đ, bà M có kiểm tra lại số tiền sau đó mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy thỏa thuận vay. Qua yêu cầu khởi kiện của bà B thì anh không có ý kiến, anh yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/3/2022 đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long giữa bà Trần Ngọc M, ông Huỳnh Đ với anh vì việc hợp đồng chuyển nhượng này nhằm đảm bảo cho việc vay tiền giữa bà B với ông Đ và bà M.

Anh là người nhận tiền lãi của ông Đ trả cho bà B, lần thứ nhất anh nhận 90.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng D, thời gian anh nhận tiền là cùng ngày với ngày làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lần thứ hai vào ngày 30/5/2022 anh nhận số tiền 90.000.000 đồng, số tiền này là anh Quốc E nhận chuyển khoản từ ông Đ, anh không nhớ người chuyển khoản cho ông Đ là ai, sau khi anh Quốc E nhận chuyển khoản thì rút tiền mặt đưa cho anh số tiền 90.000.000 đồng. Anh đã giao đủ số tiền 180.000.000 đồng cho bà B.

Anh Q trình bày: Anh có nghe bà B nói là có cho ông Đ, bà M vay số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời gian vay là 3 tháng, để đảm bảo việc vay tiền thì hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà B đã chuyển nhượng thửa đất của bà M cho anh vào ngày 05/5/2023, hợp đồng được công chứng tại văn phòng công chứng T, hai bên chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, phần đất bà M vẫn đang quản lý sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh không có chứng kiến việc bà B giao tiền cho ông Đ, bà M; anh không có nhận khoản tiền lãi nào từ ông Đ, bà M.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà B thì anh không có ý kiến; anh yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2023 đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long giữa bà Trần Ngọc M với anh.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Đ và bà Trần Ngọc M trả tiền nợ vay; tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký và yêu cầu vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất; ông Đ bà M có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V và đất chuyển nhượng thuộc địa bàn thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất*". Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Quốc E) có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ các bên cung cấp và lời thừa nhận của các bên thì việc ông Đ, bà M có vay của bà B số tiền là sự thật; Hợp đồng được công chứng, chứng thực theo quy định, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Ông Đ, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà B kiện yêu cầu ông Đ, bà M trả số tiền nợ như đã nêu trên và tiền lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận, đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền lãi 722.100.000 đồng, việc thống nhất của nguyên đơn, bị đơn không vi phạm pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

Khi xác lập Hợp đồng vay thì hai bên có ký Hợp đồng ủy quyền đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long và sau đó bà B đại diện bà M đã ký Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất vừa nêu trên cho anh Q. Các hợp đồng này là giả tạo nhằm đảm bảo cho Hợp đồng vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Do đó, việc bà B yêu cầu vô hiệu các hợp đồng vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhập, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu độc lập của người có liên quan (anh Q): Anh thừa nhận việc ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2023 đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long giữa bà Trần Ngọc M với anh là giả tạo, nên việc anh yêu cầu vô hiệu hợp đồng vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhập, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu độc lập của người có liên quan (anh Đ): Anh thừa nhận việc ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/3/2022 đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long giữa bà Trần Ngọc M với anh là giả tạo, nên việc anh yêu cầu vô hiệu hợp đồng vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhập, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Dân sự.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 124; các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; buộc bị đơn chịu án phí theo quy định là hợp lý, nên chấp nhận. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có nhận xét, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt những quy định của pháp luật và vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 124; các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị B. Buộc ông Huỳnh Đ và bà Trần Ngọc M có trách nhiệm trả cho bà Bông các khoản tiền như sau:

+ Tiền vốn vay 3.000.000.000 đồng (*ba tỉ đồng*);

+Tiền lãi 722.100.000 đồng (*bảy trăm hai mươi hai triệu một trăm ngàn đồng*);

Tổng cộng bằng 3.722.100.000 đồng (*ba tỉ bảy trăm hai mươi hai triệu một trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa bà Trần Ngọc M và anh Cù Phú Q lập ngày 05/5/2023, số công chứng 05137 tại Văn phòng công chứng T; Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 31/10/2022 giữa bà Trần Ngọc M và bà Mai Thị B, số công chứng 13646 tại Văn phòng công chứng T.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị B về việc trả lại cho ông Huỳnh Đ và bà Trần Ngọc M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 995773; thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Cù Phú Q. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa bà Trần Ngọc M và anh Cù Phú Q lập ngày 05/5/2023, số công chứng 05137 tại Văn phòng công chứng T.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Cù Quốc Đ. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa bà Trần Ngọc M và anh Cù Quốc Đ lập ngày 18/3/2022, số công chứng 1339 tại Văn phòng công chứng D.

2. Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Đ và Trần Ngọc M nộp 107.642.000 đồng (*một trăm lẻ bay triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Cù Quốc Đ không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) anh Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0006928 ngày 24/5/2024 được hoàn trả lại cho anh Đ.

- Anh Cù Phú Q không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) anh Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0006927 ngày 24/5/2024 được hoàn trả lại cho anh Q.

- Bà Mai Thị B được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Quốc E) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.